

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /2018/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 17 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp
để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 736/TTr-SNN ngày 26 tháng 4 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2018 và thay thế Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 17/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về Quy định chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về sửa đổi, bổ sung Điều 4 của quy định kèm theo Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 17/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về ban hành quy định chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai.

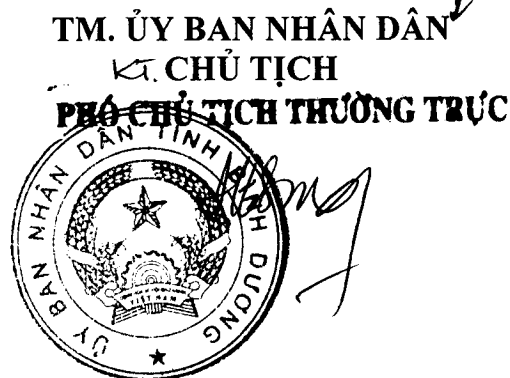
Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp – PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT;
- BCH. PCTT-TKCN tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh, các Đoàn thể;
- Các Sở, ngành 20;
- Công báo, Website tỉnh; CSDLQG về pháp luật;
- Như Điều 3;
- LĐVP(Lg, Th), Ch, TH;
- Lưu: VT *VT 49*



Mai Hùng Dũng

QUY ĐỊNH

Cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do ảnh hưởng của các loại hình thiên tai quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật phòng, chống thiên tai và các loại dịch bệnh nguy hiểm, được công bố theo quy định pháp luật về thú y, thủy sản, lâm nghiệp và các dịch bệnh công bố dịch theo quy định pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Hộ nông dân, người nuôi trồng thủy sản, chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (sau đây gọi là hộ sản xuất) bị thiệt hại trực tiếp do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại Điều 1 Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu (không phải đền bù thiệt hại).
2. Thực hiện hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc bằng giống cây, con, hiện vật. Giống cây, con, hiện vật hỗ trợ phải đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện sinh thái và thực tế của địa phương.
3. Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng mức và đúng đối tượng.
4. Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, hộ sản xuất chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

Các hộ sản xuất bị thiệt hại được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng tất cả các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 02/2017/NĐ-CP).

Chương II

MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đối với cây trồng

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP.

2. Hỗ trợ đối với sản xuất lâm nghiệp

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP.

3. Hỗ trợ đối với nuôi thủy, hải sản

a) Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm kết hợp) bị thiệt hại từ 30% trở lên, cụ thể như sau:

- Thiệt hại từ 30% - 40%: Hỗ trợ 2.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 41% - 50%: Hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 51% - 60%: Hỗ trợ 3.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 61% - 70%: Hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 71% - 80%: Hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 81% - 90%: Hỗ trợ 5.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 91% - 100%: Hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;

b) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại từ 30% trở lên, cụ thể như sau:

- Thiệt hại từ 30% - 40%: Hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 41% - 50%: Hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 51% - 60%: Hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 61% - 70%: Hỗ trợ 7.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 71% - 80%: Hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 81% - 90%: Hỗ trợ 9.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 91% - 100%: Hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

c) Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh bị thiệt từ 30% trở lên, cụ thể như sau:

- Thiệt hại từ 30% - 40%: Hỗ trợ 4.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 41% - 50%: Hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 51% - 60%: Hỗ trợ 5.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 61% - 70%: Hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 71% - 80%: Hỗ trợ 6.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 81% - 90%: Hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha;

- Thiệt hại từ 91% - 100%: Hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha;

d) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại từ 30% trở lên, cụ thể như sau:

- Thiệt hại từ 30% - 40%: Hỗ trợ 12.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 41% - 50%: Hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 51% - 60%: Hỗ trợ 17.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 61% - 70%: Hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 71% - 80%: Hỗ trợ 23.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 81% - 90%: Hỗ trợ 26.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 91% - 100%: Hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha;

đ) Diện tích nuôi nhuyễn thể bị thiệt hại từ 30% trở lên, cụ thể như sau:

- Thiệt hại từ 30% - 40%: Hỗ trợ 25.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 41% - 50%: Hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 51% - 60%: Hỗ trợ 35.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 61% - 70%: Hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 71% - 80%: Hỗ trợ 47.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 81% - 90%: Hỗ trợ 54.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 91% - 100%: Hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha;

e) Diện tích nuôi cá tra thâm canh bị thiệt hại từ 30% trở lên, cụ thể như sau:

- Thiệt hại từ 30% - 40%: Hỗ trợ 12.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 41% - 50%: Hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 51% - 60%: Hỗ trợ 17.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 61% - 70%: Hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 71% - 80%: Hỗ trợ 23.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 81% - 90%: Hỗ trợ 26.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 91% - 100%: Hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha;

g) Lồng, bè nuôi nước ngọt bị thiệt hại từ 30% trở lên, cụ thể như sau:

- Thiệt hại từ 30% - 40%: Hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 41% - 50%: Hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 51% - 60%: Hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 61% - 70%: Hỗ trợ 7.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 71% - 80%: Hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha;

- Thiệt hại từ 81% - 90%: Hỗ trợ 9.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 91% - 100%: Hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

h) Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại từ 30% trở lên, cụ thể như sau:

- Thiệt hại từ 30% - 40%: Hỗ trợ 12.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 41% - 50%: Hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 51% - 60%: Hỗ trợ 17.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 61% - 70%: Hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 71% - 80%: Hỗ trợ 23.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 81% - 90%: Hỗ trợ 26.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 91% - 100%: Hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha;

i) Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh bị thiệt hại từ 30% trở lên, cụ thể như sau:

- Thiệt hại từ 30% - 40%: Hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 41% - 50%: Hỗ trợ 25.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 51% - 60%: Hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 61% - 70%: Hỗ trợ 35.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 71% - 80%: Hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 81% - 90%: Hỗ trợ 45.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 91% - 100%: Hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha;

k) Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác bị thiệt hại từ 30% trở lên, cụ thể như sau:

- Thiệt hại từ 30% - 40%: Hỗ trợ 2.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 41% - 50%: Hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 51% - 60%: Hỗ trợ 3.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 61% - 70%: Hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 71% - 80%: Hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 81% - 90%: Hỗ trợ 5.500.000 đồng/ha;
- Thiệt hại từ 91% - 100%: Hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;

4. Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm

a) Thiệt hại do thiên tai

Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 20.000 đồng/con; trên 28 ngày đến 60 ngày tuổi, hỗ trợ 27.000 đồng/con; trên 60 ngày tuổi, hỗ trợ 35.000 đồng/con;

Lợn đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 400.000 đồng/con; trên 28 ngày đến 60 ngày tuổi, hỗ trợ 700.000 đồng/con; trên 60 ngày tuổi, hỗ trợ 1.000.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 2.000.000 đồng/con;

Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con; bò sữa trên 6 tháng đến 12 tháng tuổi, hỗ trợ 7.000.000 đồng/con; bò sữa trên 12 tháng tuổi, hỗ trợ 10.000.000 đồng/con;

Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 2.000.000 đồng/con; trên 6 tháng đến 12 tháng tuổi, hỗ trợ 4.000.000 đồng/con; trên 12 tháng tuổi, hỗ trợ 6.000.000 đồng/con;

Hươu, nai, cừu, dê: đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 1.000.000 đồng/con; trên 6 tháng đến 12 tháng tuổi, hỗ trợ 1.800.000 đồng/con; trên 12 tháng tuổi, hỗ trợ 2.500.000 đồng/con.

b) Thiệt hại do dịch bệnh

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP.

5. Các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại chưa được quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho từng trường hợp.

6. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Chương III

TRÌNH TỰ THỦ TỤC HỖ TRỢ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 6. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Trình tự và cách thức thực hiện

a) Hỗ trợ thiệt hại đối với dịch bệnh: Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết theo quy định.

b) Hỗ trợ thiệt hại đối với thiên tai: Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã để phối hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp giải quyết theo quy định.

2. Hồ sơ xin hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh, thiên tai theo các Mẫu số 1, 2, 3 và 4 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này; kèm theo Bản kê khai sản xuất ban đầu theo Mẫu 5 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).

b) Bảng thống kê thiệt hại do dịch bệnh, thiên tai có xác nhận của đại diện ấp, khu phố, khu dân cư.

3. Trách nhiệm của các cấp

a) Đối với dịch bệnh:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng kiểm tra bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ thuộc Phòng Tài chính, Kinh tế và cán bộ chuyên môn phù hợp thuộc trạm Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi - Thú y và thủy sản huyện, đại diện các tổ chức xã hội, đại diện ấp, khu phố, khu dân cư để lập biên bản kiểm tra, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ cụ thể của từng hộ sản xuất; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện. Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ (đối với trường hợp ngân sách cấp huyện không đảm bảo hỗ trợ).

Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và bố trí ngân sách địa phương, các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại Quy định này.

b) Đối với thiên tai

Thực hiện như quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, có sự tham gia, phối hợp của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp ở địa phương trong việc kiểm tra, xác nhận thiệt hại và tổng hợp báo cáo Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật phòng, chống thiên tai.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã tổng hợp thiệt hại và báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo các mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

4. Thời hạn giải quyết hồ sơ: Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết cho các hộ sản xuất trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

a) Dự phòng ngân sách địa phương;

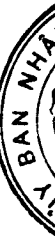
b) Quỹ phòng, chống thiên tai;

c) Dự phòng ngân sách trung ương;

d) Nguồn dự trữ quốc gia;

đ) Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một chủ động sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để thực hiện. Trường hợp các địa phương có mức độ thiệt



hại lớn, nếu phần dự phòng ngân sách địa phương không bảo đảm hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh hoặc Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh.

Trường hợp trên địa bàn tỉnh có mức độ thiệt hại lớn, nếu phần ngân sách tỉnh bảo đảm vượt quá 50% nguồn dự phòng ngân sách tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung thêm ngân sách Trung ương phân chênh lệch vượt quá 50% dự phòng ngân sách tỉnh để tỉnh có đủ nguồn để thực hiện.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tổng hợp báo cáo đánh giá thiệt hại và nhu cầu từ các địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về biện pháp và nguồn lực hỗ trợ kịp thời cho các địa phương theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 30 Luật Phòng, chống thiên tai.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan đôn đốc, kiểm tra giám sát và xử lý những vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện Quy định này.

3. Sở Tài chính căn cứ Quy định này và phần ngân sách địa phương thực chi để hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, xem xét hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh hàng năm cho từng địa phương và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm

a) Tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra, chủ động thực hiện công tác hỗ trợ từ nguồn ngân sách của địa phương, quỹ phòng, chống thiên tai, các nguồn lực hợp pháp khác để kịp thời khôi phục sản xuất; đề xuất nhu cầu hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện việc hỗ trợ trực tiếp đến các hộ sản xuất bị thiệt hại đảm bảo công khai, minh bạch, đúng chính sách theo đúng quy định. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

c) Kết thúc đợt thiên tai, dịch bệnh và cuối năm, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (đối với thiệt hại do thiên tai) kết quả thực hiện theo các mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Tổ chức kiểm tra, xác minh đánh giá thiệt hại, đối tượng hỗ trợ và nhu cầu hỗ trợ cho từng đối tượng; thực hiện chi hỗ trợ, thanh, quyết toán kinh phí đúng đối tượng, đúng chế độ, đúng thời hạn quy định, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

b) Thực hiện công khai nội dung hỗ trợ chi tiết từng hộ dân. Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại các khu phố, ấp, ...theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách đối với các cá nhân, dân cư.

c) Kết thúc đợt thiên tai, dịch bệnh và cuối năm, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả thực hiện theo các mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này để tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (đối với thiệt hại do thiên tai).

Điều 9. Điều khoản chuyên tiếp

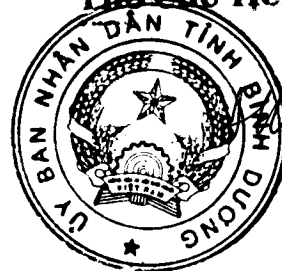
Mức hỗ trợ cho hộ sản xuất bị thiệt hại trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh xảy ra trước khi Quy định này có hiệu lực nhưng việc hỗ trợ thực hiện khi Quy định này đã có hiệu lực thì vẫn áp dụng mức hỗ trợ theo quy định tại thời điểm xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp với Sở Tài chính thống nhất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng